

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI - NHÌN CHUNG VỀ THÀNH TỰU

• Lê Thị Thu Trang^(*)

Tóm tắt

Với sự thay đổi ý thức thẩm mỹ của người viết, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã đạt những thành tựu đáng trân trọng trên tất cả các phương diện nghệ thuật: sự đa dạng về đề tài, chủ đề; phong phú trong phong cách cá nhân; đa dạng trong cảm hứng sáng tác; đổi mới phương thức tự sự (đa dạng hóa người kể chuyện, điểm nhìn trần thuật, đổi mới diễn ngôn trần thuật...). Nhìn chung, viết tiểu thuyết lịch sử, các nhà tiểu thuyết đương đại đã có ý thức quan tâm đến những sự kiện lịch sử và khía cạnh văn hóa, mà qua đó có thể đưa đến một sự nhận thức mới cho độc giả về hiện tại.

Từ khóa: tiểu thuyết lịch sử, phong cách sáng tác, tự sự, tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

1. Đặt vấn đề

Khắc phục những hạn chế mang tính thời đại của các thời kỳ trước, tiểu thuyết lịch sử (TTLS) sau 1986, đặc biệt là thập niên đầu thế kỉ XXI đã từng bước cách tân, đáp ứng nhu cầu của người đọc cũng như đảm bảo sự sống còn của thể loại. Các tác giả TTLS đã có cách xử lí linh hoạt mối quan hệ giữa lịch sử và hư cấu để đảm bảo đặc trưng thể loại và chuyển tải được nhiều vấn đề về cuộc sống hiện đại. Lịch sử dưới ngòi bút của họ là kết quả của sự nhận thức lại một cách sâu sắc bằng những kiến giải giàu tính thuyết phục. Trong thực tiễn sáng tác, nhất là mười năm đầu thế kỉ XXI, các cây bút TTLS đã có ý thức tìm tòi, đổi mới nghệ thuật và kỹ thuật tiểu thuyết trên cơ sở gắn nó với nội dung nhân bản, xã hội để thúc đẩy thể loại phát triển, góp phần cách tân và hiện đại hóa văn xuôi Việt Nam hiện đại. Sự đổi mới ấy vừa phản ánh sự đổi mới chung vừa có những đóng góp riêng vào nghệ thuật tự sự của văn học. Từ đó, TTLS Việt Nam nói chung và TTLS Việt Nam giai đoạn thập niên đầu thế kỉ XXI nói riêng không chỉ đóng góp cho nền tiểu thuyết dân tộc thêm phong phú mà còn tạo dựng một vị thế xứng đáng trên văn đàn và trong lòng độc giả bằng những tác phẩm lớn ở cả phương diện nội dung lẫn nghệ thuật biểu hiện.

2. Nội dung

2.1. Thành tựu trên phương diện nội dung

Sự đa dạng trong phong cách cá nhân, phong phú về số lượng tác phẩm. Mười năm đầu thế kỉ XXI, TTLS đã bước vào cỗ máy vận hành trong cơ chế vận động và đổi mới của văn xuôi đương đại. Nhìn từ góc độ lực lượng sáng tác, đây là một sự tiếp nối không ngừng của thế hệ các nhà văn trẻ về tuổi đời lẫn tuổi nghề với những tác phẩm ít nhiều gây sự

chú ý bởi tính chất mới lạ, đột phá của nó. Sự mở rộng giao lưu văn hóa đa chiều đem tới nhiều kinh nghiệm nghệ thuật mới lạ và TTLS cũng có những chuyển động ngày càng hấp dẫn hơn. Số lượng nhiều (gần 200 tác phẩm) và đa dạng về phong cách sáng tác, đề tài phong phú, TTLS đã trở thành thể loại có sức hấp dẫn mãnh liệt với nhiều cây bút chuyên lẫn không chuyên (gần 60 tác giả). Có thể nói, TTLS giai đoạn này đã và đang tạo dựng một vị thế xứng đáng trên văn đàn và trong lòng độc giả bằng những tác phẩm vừa sâu sắc về mặt nội dung, vừa mới mẻ về cách thể hiện: *Mười hai sứ quân*, *Hào kiệt Lam Sơn*, *Bắn rụng mặt trời* (2000, Vũ Ngọc Đĩnh), *Tám triều vua Lý* (2010, Hoàng Quốc Hải), *Hồ Quý Ly* (2000, Nguyễn Xuân Khánh), *Guom thần Vạn Kiếp* (Ngô Văn Phú), *Khúc khải hoàn dang dở* (2002, Hà Ân), *Lê Lợi* (2002, Hàn Thế Dũng), *Người trăm năm cũ* (2002, Hoàng Khởi Phong), *Giàn thiêu* (2003, Võ Thị Hào), *Bà Triệu*, *Đình Bộ Lĩnh* (2004, Hàn Thế Dũng), *Một mắt một còn*, *Thời vàng son* (2004, Nguyễn Khắc Phục), *Mắt đêm* (2005, Dương Ngọc Hoàn), *Trần Quốc Toản* (2005, Lưu Minh Sơn), *Mẫu Thượng Ngàn* (2006, Nguyễn Xuân Khánh), *Tây Sơn bi hùng truyện* (2006, Lê Đình Danh), *Đàn đày* (2006, Trần Thu Hằng), *Lý Công Uẩn* (2006, Ngô Văn Phú), *Lý Nam Đế* (2006, Hàn Thế Dũng), *Mac Đăng Dung* (2007, Lưu Văn Khuê), *Đất Việt trời Nam* (2007, Đan Thành), *Con ngựa Mãn Châu* (2000) và *Hội thề* (2011, Nguyễn Quang Thân), *Không phải huyền thoại* (2010, Hữu Mai), *Đội gạo lên chùa* (2011, Nguyễn Xuân Khánh), *Đàm đạo về Điều ngự Giác Hoàng*, *Bí mật hậu cung* (2012, Bùi Anh Tấn)... Nhiều tác phẩm trong số những tác phẩm kể trên đã bỏ xa TTLS trước đó về số trang và dung lượng: *Tám triều vua Lý* (4 tập) của Hoàng

^(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

Quốc Hải, *Tây Sơn bi hùng truyện* (2 tập) của Lê Đình Danh, *Đất Việt trời Nam* (3 tập) của Đan Thành, *Thăng Long ký* (3 tập) của Nguyễn Khắc Phục, *Anh hùng Đông A* (2 tập), *Anh hùng Tiêu Sơn* (4 tập) của Trần Đại Sỹ, *Mười hai sứ quân* (2 tập), *Bản rùng mặt trời* (8 tập) của Vũ Ngọc Đĩnh... Ở những tác phẩm này, lịch sử được tái hiện với quy mô bề thế, rộng lớn, bắt đầu từ việc gây dựng một triều đại cho đến khi vương triều sụp đổ. TTLS giai đoạn này thực sự mở ra một lộ trình mới, một hướng khám phá nghệ thuật độc đáo và lý thú cho những ai quan tâm đến lịch sử dân tộc và nền tiểu thuyết nước nhà.

Điểm đáng chú ý là TTLS thập niên đầu thế kỷ XXI đã vượt qua mô hình cũ và tạo ra nhiều hướng phát triển có hứa hẹn với nhiều phong cách sáng tác đa dạng. Theo nhận xét của Trần Đình Sử thì TTLS giai đoạn này phát triển theo nhiều xu hướng đa dạng: Có hướng “văn chương hóa lịch sử” như Hoàng Quốc Hải với hai bộ trường thiên; Có hướng nghiêng về phương diện văn hóa, đối thoại với văn hóa như Nguyễn Xuân Khánh; Có hướng diễn giải lịch sử như *Nguyễn Thị Lộ* của Hà Văn Thùy; Có hướng phi trung tâm hóa như *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác; Có hướng phi huyền thoại hóa lịch sử như *Hội thể* của Nguyễn Quang Thân, có hướng đối thoại với chính sử như *Mạc Đăng Dung* của Lưu Văn Khuê; Có hướng đổi mới cách nhìn như *Biết đâu địa ngục thiên đường* của Nguyễn Khắc Phê; Có hướng viết “tiểu sử gia tộc” hư cấu, mà thực ra là viết lịch sử thời đại với con mắt giễu nhại trong *Thời của thánh thần* của Hoàng Minh Tường, *Dưới chín tầng trời* của Dương Hương, *Cuồng phong* của Nguyễn Phan Hách...

Chủ đề được mở rộng, đa dạng, phức tạp. TTLS thời kỳ này có sự phối hợp, lồng ghép các chủ đề trong một tác phẩm; mở rộng hệ chủ đề về phía thế sự, đời tư - hiện tại và đề cao cá tính sáng tạo của người viết, rút ngắn khoảng cách sử thi trong khi tiếp cận lịch sử. Nhà văn không phong thánh cho các nhân vật lịch sử mà nhìn họ như những con người bình thường trong sự phát triển tự nhiên của tính cách. Hơn nữa, các tác giả thời kỳ này xem lịch sử như là phương tiện để công bố tư tưởng cá nhân, tạo ra những giả định lịch sử để kích thích đối thoại với người đọc. *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh đã đề cập đến “vấn đề của tôi là giữa bảo thủ và đổi mới” khi tác giả tái hiện khá sinh động lịch sử cuối đời nhà Trần, góp thêm tiếng nói khám phá xã hội

và con người Hồ Quý Ly dựa trên các mối xung đột giữa hai tuyến nhân vật đại diện cho hai phe bảo thủ (đứng đầu là Trần Khát Chân) và phe đổi mới (đứng đầu là Hồ Quý Ly). Bên cạnh đó, tác phẩm còn đề cập đến chủ đề tình yêu, khát vọng đổi thay, thân phận người trí thức, sự chi phối của thời đại đến thành bại của con người... Tiếp nối là *Mẫu Thượng Ngàn* và *Đội gạo lên chùa*, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đã cho thấy sức sống mãnh liệt của văn hóa dân tộc trong mối tương quan với tín ngưỡng, tôn giáo, thể hiện sự trường tồn của dân tộc Việt. *Cưỡi sóng đập gió* của Hoàng Công Khanh cũng tạo được bút pháp mới mẻ, tái hiện lại chân dung Đặng Huy Trứ - một con người với sự nghiệp văn chương và tấm lòng yêu nước luôn sáng tỏ giữa lòng dân tộc. *Lê Lợi* của Hàn Thế Dũng xây dựng một cách sống động chân dung của những anh hùng dân tộc với những vinh quang và bi kịch. *Giàn thiêu* của Võ Thị Hào lôi cuốn người đọc bởi nét độc đáo riêng. Dựa trên những câu chuyện dã sử về nhân vật, với rất nhiều yếu tố hư cấu mang tính chất hoang đường kỳ ảo, nhà văn đã tái hiện chân dung nhân vật Lý Thần Tông và bức tranh xã hội triều Lý bằng bạc màu sắc huyền thoại, đầy sức hấp dẫn mà vẫn không làm mất đi nội dung hiện thực của tác phẩm. *Hội thể* của Nguyễn Quang Thân khắc họa thành công hình ảnh của bậc thiên tài quân sự Nguyễn Trãi trong việc dụ hàng tướng giặc Vương Thông để kết thúc chiến tranh mà không làm tổn thương xương máu của hai dân tộc, đồng thời, tác giả muốn thông qua tính cách nông dân võ biền của các nhân vật và mâu thuẫn sâu sắc giữa họ với các học sĩ Thăng Long để lý giải những biến cố lịch sử sẽ tiếp diễn không lâu sau đó. Lưu Văn Khuê trong *Mạc Đăng Dung* lại đặt ngòi bút trong cảm hứng phản đề lịch sử khi ông lý giải việc lên ngôi của Mạc Đăng Dung là một tất yếu. Hà Văn Thùy trong *Nguyễn Thị Lộ* muốn chứng minh nguyên nhân xảy ra thảm án Lệ Chi Viên. Thái Bá Lợi trong *Minh sử* lấy cảm hứng từ ý chí hơn người của chúa Nguyễn Hoàng với những năm tháng đầy gian truân mở đầu triều Nguyễn. *Tám triều vua Lý* của Hoàng Quốc Hải đã bao quát hầu hết các sự kiện, các nhân vật, các tình huống điển hình và đặc trưng nhất của hai giai đoạn lịch sử theo tính lựa chọn các nét đặc trưng, các chi tiết nổi bật nhất trong lịch sử để miêu tả và diễn giải. Sự kết hợp hài hòa giữa sự thật lịch sử hư cấu nghệ thuật của một cây bút tài hoa đã làm sống dậy hào khí quân dân thời Lý, hào khí Đông A thời

Trần, hấp dẫn người đọc ở cả những trang miêu tả các phong tục tập quán, các nghi lễ cổ, lối bài trí cổ... mang đậm hồn xưa của Thăng Long nghìn năm văn hiến. *Tây Sơn bi hùng truyện* của Lê Đình Danh tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động từ những cuộc tranh giành quyền lực thời vua Lê - chúa Trịnh, những cuộc tranh chấp Trịnh - Nguyễn, sự lớn mạnh của phong trào Tây Sơn đến lúc Gia Long lên ngôi hoàng đế năm 1802. Tác phẩm thu hút người đọc không chỉ ở tư liệu lịch sử phong phú, kiến văn dồi dào, mà còn ở bút pháp dựng truyện, xây dựng nhân vật khá hấp dẫn. *Gươm thần Vạn Kiếp* của Ngô Văn Phú gợi lại hào khí Đông A. Ông không viết tác phẩm theo từng hồi mà chia thành từng chương, dẫn dắt câu chuyện ở ngôi thứ ba theo kiểu tiểu thuyết chương hồi. *Đàn đày* của Trần Thu Hằng viết về thời kì Lê - Trịnh, dựng lại chân dung những nhân vật đã đi vào sử sách: Lê Chiêu Thống, Nguyễn Hữu Chỉnh, Trịnh Sâm... với những khám phá bất ngờ, thú vị. Đồng thời, nhà văn đưa người đọc vào cuộc tình đầy sóng gió giữa hai nghệ sĩ: Bạch Vĩ - Bạch Dung với những tiếng hát, tiếng đàn mê hoặc cũng như sự đa đoan của kiếp cầm ca trong giai đoạn lịch sử đầy bão táp. *Đàn đạo về Điều ngự Giác Hoàng* của Bùi Anh Tấn tái hiện toàn bộ lịch sử nhà Trần trong giai đoạn đầu dựng nước và giữ nước. Nhà văn đã dùng lối viết đàm thoại để làm nổi bật Trần Nhân Tông, vừa sinh động ở con người lịch sử, vừa sâu sắc ở con người tôn giáo... Đặc biệt, với *Bí mật hậu cung*, Bùi Anh Tấn đã khéo léo thử nghiệm trong việc kết hợp hai đề tài lịch sử và đồng tính, tạo nên hiệu ứng thẩm mỹ đặc biệt. Tác phẩm không chỉ thể hiện sinh động và sâu sắc mối tình trớ trêu giữa hai con người tài hoa lỗi lạc vào bậc nhất nhà Lý: Lý Thường Kiệt và Lý Thánh Tông mà còn gắn kết với những biến động lớn lao của cả một triều đại. Tác giả đã khéo léo xuyên chuỗi chúng qua những cứ liệu lịch sử và những nghiên cứu dày công về võ thuật cùng tâm lý về cảm thức giới tính lệch hướng. Trong đó, Lý Thường Kiệt là danh tướng kiệt xuất của dân tộc nhưng luôn sống với những dằn vặt về giới tính cùng những bí mật thầm kín cần lắm những sẻ chia và đồng cảm... Trong các tác phẩm này, hứng thú của các nhà văn không phải là tái hiện các sự kiện lịch sử mà là miêu tả cuộc sống, những suy tư, trăn trở, khát vọng trần tục về tình yêu, hạnh phúc lứa đôi, tự do, nổi trăn trở về định mệnh con người,

nổi đau nhân tình thế thái, vấn đề đấu tranh giữa bảo thủ và đổi mới. Nhiều chủ đề đan xen khiến các tác phẩm này thực sự là những khám phá, kiến giải mới về lịch sử, tạo được ấn tượng dư ba trong lòng người đọc.

Sự đa dạng về cảm hứng sáng tác. Bên cạnh sự mở rộng chủ đề, cảm hứng trong sáng tác của TTLS thời kỳ này cũng có nhiều biến chuyển. Hiện thực được phản ánh không chỉ bằng thái độ ngợi ca một chiều mà mang tính chất phê phán, xét lại, đặc biệt với những mặt trái, những ung nhọt của xã hội. Nhà văn khám phá những sự thật lịch sử, khơi mở những bí ẩn, xung đột lịch sử, phân tích, lý giải lịch sử trong mối quan hệ với số phận con người và chúng trở thành cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm của họ.

Tinh thần dân chủ mang đến cho nhà văn tâm thế tự tin trong nhận thức và trình bày lịch sử với những góc nhìn riêng, điểm nhìn mới về một sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử quen thuộc, đồng thời gợi mở những góc nhìn khác để bạn đọc suy ngẫm. Đồng thời, nhà văn đi sâu tìm hiểu những xung đột lịch sử để tiếp tục nhận thức về nó và rút ra bài học cho hiện tại và tương lai. Trong *Giàn thiêu*, Võ Thị Hào hé lộ những bí mật bên trong con người Ý Lan - nhân vật bảy lâu nay được sử sách phong thánh. Ngoài sự cao quý nhân từ ở một bậc nguyên phi, Ý Lan cũng có những góc tối của tâm hồn, cũng ghé góm độc ác trong hành động như bức hại các cung nữ, góp phần thúc đẩy cái chết của Dương thái hậu. Xây dựng nhân vật Từ Lộ qua hai kiếp, Võ Thị Hào muốn thể hiện khát vọng muôn đời của con người - khát vọng được là mình với những hạnh phúc rất đỗi trần thế sau những oán thù và hư vinh. Trong *Hồ Quý Ly*, Nguyễn Xuân Khánh đã đi sâu phân tích những xung đột lịch sử, khơi mở những bí ẩn bên trong sự kiện, con người của quá khứ để tiếp tục đối thoại với độc giả về những thành - bại, được - mất, công - tội trong công cuộc cải cách đất nước của một con người, một giai đoạn lịch sử quan trọng. Lịch sử là cái đã qua, thành quá khứ, không thể thay đổi được, việc Ý Lan, Từ Đạo Hạnh, Hồ Quý Ly, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Lý Thánh Tông là những vị thánh hay những nhân cách chưa hoàn hảo thì lịch sử cũng đã an bài. Chúng ta không thể thay đổi lịch sử nhưng có thể đặt ra những giả định để tiếp tục nhận thức về nó theo cái nhìn hiện đại đầy tính nhân văn.

TTLS giai đoạn mười năm đầu thế kỉ XXI mang tính chất đời thường nhưng sâu sắc và thấm

thía hơn khi nhà văn đi vào phân tích số phận con người, mang lại cho văn chương chất nhân văn mới. Đặc biệt, nhà văn hướng về những thân phận bé mọn, những nạn nhân của bão táp lịch sử như thân phận người nông dân, trí thức, người phụ nữ... với tấm lòng cảm thông sâu sắc. *Đàn đay* của Trần Thu Hằng quan tâm đến số phận của người nghệ sĩ (Bạch Vĩ - Bạch Dung); *Mẫu Thượng Ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh quan tâm đến thân phận của người phụ nữ trong dòng chảy của lịch sử (Mùi, Ba Váy, Nụ); *Giàn Thiêu* của Võ Thị Hào với hình ảnh đẹp thánh thiện của cung nữ Ngạn La, cuộc đời đầy nước mắt của Nhuệ Anh; *Hội thê* của Nguyễn Quang Thân khắc họa thân phận của những con người là ván bài của lịch sử (hoàng hậu Ngọc Trần), thân phận của những người trí thức (Nguyễn Trãi)...

2.2. Thành tựu trên phương diện hình thức thể hiện

Sự thành công của TTLS giai đoạn này không chỉ ở cách nhìn mới đối với lịch sử, cách nhìn cá nhân hóa lịch sử và nhân quan hiện thực mà còn không ngừng đổi mới và cách tân trên phương diện phương thức tự sự như đa dạng hóa người kể chuyện, điểm nhìn trần thuật. Các tiểu thuyết *Hồ Quý Ly*, *Mẫu Thượng Ngàn*, *Đội gao lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh sử dụng đồng thời hai người kể chuyện với sự phối kết điểm nhìn: điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ ba và điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ nhất (Hồ Nguyên Trừng trong *Hồ Quý Ly*, Ba Váy trong *Mẫu Thượng Ngàn*, An trong *Đội gao lên chùa*). Đặc biệt, TTLS giai đoạn này xuất hiện nhiều lối kết cấu: kết cấu theo trật tự thời gian (*Tám triều vua Lý* của Hoàng Quốc Hải, *Đất trời* của Nam Dao, *Hội thê* của Nguyễn Quang Thân...), kết cấu theo tâm lý nhân vật (*Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng*, *Oan khuất* của Bùi Anh Tấn...), kết cấu theo kiểu lắp ghép, đồng hiện (*Giàn thiêu* của Võ Thị Hào, *Mẫu Thượng Ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh, *Minh sư* của Thái Bá Lợi...) là ba mô hình chủ yếu của TTLS đương đại. Ngoài ra, các nhà tiểu thuyết còn sử dụng kiểu kết cấu vòng tròn, kết cấu liên văn bản, kết cấu để ngỏ, kết cấu phân mảnh, kết cấu dòng ý thức, kết cấu đối lập, kết cấu đa tuyến... Bên cạnh đó, TTLS đương đại đã thoát khỏi lớp vỏ ngôn ngữ cũ kỹ, khuôn sáo như trước mà chú ý đến việc xử lý ngôn ngữ, do đó có sự đan cài và tương tác linh hoạt giữa các lớp ngôn ngữ: lớp ngôn ngữ quan phương, cổ

kính, lớp ngôn ngữ đời sống giản dị, nhiều màu sắc, lớp ngôn ngữ mang màu sắc triết luận đã tạo nên sự đa dạng hóa trong diễn ngôn lịch sử của tác phẩm. Chẳng hạn, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật trong *Hội thê*, là thứ ngôn ngữ giao tiếp mang tính quy phạm của thời đại: chúa công, khanh, ta, tiểu nhân, đại huynh, chàng, thiếp, quan ngài, kẻ học trò này... Loại ngôn ngữ này phủ lên màu sắc lịch sử, đảm bảo tính chân thực cho tác phẩm. Thông qua hình thức đối thoại, người đọc nhận ra địa vị xã hội, chức tước, mối quan hệ thân sơ... giữa các nhân vật. Vị thế của Lê Lợi chắc chắn phải khác Phạm Vấn và mối quan hệ giữa Lê Lợi với Phạm Vấn cũng không giống với mối quan hệ giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Bên cạnh đó, diễn ngôn đối thoại còn mang tính chất quan phương cổ kính được thể hiện qua mỗi lời nhân vật đối thoại, cho ta thấy được đời sống của mỗi triều, mỗi nếp sống trong xã hội, cộng đồng. Ví dụ, trong *Giàn thiêu*, *Tám triều vua Lý* hay *Lý Công Uẩn*, *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng*... Võ Thị Hào, Hoàng Quốc Hải, Ngô Văn Phú, Bùi Anh Tấn đều xây dựng bối cảnh lịch sử thời Lý, Trần ghi nhận sự phát triển thịnh trị của đạo Phật. Người đọc dễ dàng tiếp cận một loạt những ngôn từ Phật giáo qua lời đối thoại của nhân vật. Trong *Hồ Quý Ly*, *Bão táp triều Trần*, xuất hiện rất nhiều lời thoại của nhân vật về ngôn ngữ Nho giáo: “Làm tôi phải hết lòng trung, làm quan phải giữ thanh bạch, làm con phải giữ tròn đạo hiếu. Nếu là con mà bất hiếu, làm tôi mà bất trung thì thần minh tru diệt” [tr. 19]. Đến *Mẫu Thượng Ngàn*, Thiên chúa lán át văn hóa bản địa, con người quay về với đạo Mẫu. Do đó, ngôn ngữ theo nguyên lý tính Mẫu được phát ngôn từ những câu chuyện về “Thánh Mẫu, giá Mẫu, cô hầu cho đến cô Chín, cô Bé, bà Chúa Thác bờ, bà Đà... *Đàn đay* của Trần Thu Hằng mang ngôn ngữ nho nhã của mảnh đất Thăng Long văn vật: thánh hiền, khuyến binh, tội khiếm đài, giáo phường, cõi tịch diệt, phong lưu quân tử, duyên tình tục lụy, bán phần buôn hương...

Thêm vào đó, chất liệu lịch sử mà tiểu thuyết vay mượn thuộc về quá khứ nên lớp sương khói thời gian bao phủ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà văn sử dụng các yếu tố tượng trưng, huyền thoại hóa... Điều này tạo nên sự đa dạng về bút pháp nghệ thuật, giúp cho tiểu thuyết vượt qua lối phản ánh hiện thực thông thường để tái hiện cuộc sống trong tính chân thực, sinh động và toàn vẹn hơn.

3. Kết luận

Có thể thấy, tư duy tiêu thuyết đương đại, thúc đẩy các nhà TTLS thời kỳ này không ngừng đổi mới phương thức tiếp cận lịch sử. TTLS tuy mượn đề tài lịch sử nhưng không né tránh thực tại. Thông qua lịch sử, nhà văn trình bày quan niệm của mình về lịch sử trong đó có quan niệm nghệ thuật về con người trong quá khứ nhằm giải mã những bí ẩn của lịch sử. Đó chính là cách nhà văn mang đến cho người đọc cái nhìn của mình về thực tại thông qua chính lịch sử của dân tộc.

Trải qua gần một thế kỉ, TTLS đã vận động

từ chỗ đơn giản về mặt nội dung và nghệ thuật đến chỗ phức tạp, đa dạng và gặt hái được nhiều thành tựu trên cả nội dung lẫn hình thức thể hiện. TTLS giai đoạn này thực sự đã tạo một bước đột phá khi có sự đa dạng phức tạp trong phong cách cá nhân; phong phú về số lượng tác phẩm; hiện thực lịch sử được khám phá nhiều chiều, đa dạng, phức tạp, lý giải được các vấn đề thế sự, nhân sinh. Lịch sử với vai trò là một chất liệu hiện thực cốt yếu, đa phần và không thể thay thế được dần nhường chỗ cho những quan niệm và cảm hứng mới nhằm giải thiêng lịch sử. Chính điều đó đã làm TTLS trở nên hoàn thiện dần về mặt nghệ thuật./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Thu An (2012), “Tiểu thuyết lịch sử: thành tựu và triển vọng”, <http://phebinhvanhoc.com.vn/tieu-thuyet-lich-su-thanh-tuu-va-trien-vong/>.
- [2]. Phan Tuấn Anh (2012), “Lịch sử như là hư cấu - quan điểm mới về đề tài lịch sử”, *Tạp chí Hội Nhà văn*, <http://vannghequandoi.com.vn/Phe-binh-van-nghe/Lich-su-nhu-la-hu-cau-quan-diem-moi-ve-de-tai-lich-su-1217.html>.
- [3]. Thái Phan Vàng Anh (2013), “Các khuynh hướng tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, <http://vannghequandoi.com.vn/Phe-binh-van-nghe/Cac-khuynh-huong-tieu-thuyet-Viet-Nam-dau-the-ky-XXI-433.html>.
- [4]. Nguyễn Thị Bình (2008), *Một số khuynh hướng tiểu thuyết ở nước ta từ thời điểm đổi mới đến nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Việt Cường (2003), “Tiểu thuyết lịch sử - những quan niệm và sự thách thức với các nhà văn trẻ”, *Tạp chí Văn hóa văn nghệ Công an thành phố Hồ Chí Minh*, (9), tr. 83-85.
- [6]. Nguyễn Văn Dân (2012), “Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại - phác họa một số xu hướng chủ yếu”, *Tạp chí Nhà văn*, (1), tr. 56-67.
- [7]. Nguyễn Đăng Điệp (chủ biên), Đoàn Ánh Dương, Đỗ Hải Ninh (2012), *Lịch sử và văn hóa, cái nhìn nghệ thuật Nguyễn Xuân Khánh*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Văn Long, Lê Thị Thu Hằng (2012), “Những cách tân nghệ thuật của tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, <http://vannghequandoi.com.vn/Phe-binh-van-nghe/Nhung-cach-tan-nghe-thuat-cua-tieu-thuyet-Viet-Nam-dau-the-ki-XXI-1641.html>.
- [9]. Nguyễn Thị Tuyết Minh (2009), “Khuynh hướng tiểu thuyết hóa lịch sử trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1975”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (4), tr. 56-64.
- [10]. Ngô Thị Quỳnh Nga (2010), “Sự đan cài các lớp ngôn ngữ trong tiểu thuyết lịch sử sau 1975”, *Tạp chí Sông Hương*, <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p0/c7/n4903/Su-dan-cai-cac-lop-ngon-ngu-trong-tieu-thuyet-lich-su-sau-1975.html>.

HISTORICAL NOVELS OF CURRENT VIETNAM - GENERALLY ABOUT ACHIEVEMENTS

Summary

With the novelists' aesthetic conception, current Vietnam's historic novels have earned decent achievements in all artistic aspects: various in topics; rich in personal style; diversified in inspiration; renovated in the self-mode (narrator multiple modes, narrative point of view, narrative discourse innovation, etc.). In general, for historical novels, current writers have been consciously concerned with historical events and cultural aspects, thus shaping readers' new viewpoints of the present.

Keywords: Historical novel, writing style, narrative, Vietnam's current fiction.

Ngày nhận bài: 01/4/2016; Ngày nhận lại: 04/5/2016; Ngày duyệt đăng: 27/6/2016.